TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Bản án số: 14/2023/HS-ST Ngày: 17/01/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Chu Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Păng Ting Nốck

+ Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 248/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2023 đối với:

- Các bị cáo:

1. Lê Sỹ N, sinh năm: 1977 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Sỹ P (đã chết); Con bà Lê Thị M, sinh năm: 1948; Vợ: Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1981; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Công N, sinh năm: 1987, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: thôn Th, xã L , thị xã S , tỉnh T.; Nơi cư trú: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Đàm Công V, sinh năm 1958; Con bà Mai Thị N, sinh năm 1959; Vợ: Đỗ Thị H, sinh năm 1990; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Bá Q, sinh năm: 1990, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 3, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1965; con bà Lê Thị L, sinh năm 1968; Vợ Trương Thị N, sinh năm 1991; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1986, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 1, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 1, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Huỳnh Y, sinh năm 1949; Con bà Bùi Thị T, sinh năm 1950; Vợ Lê Nguyễn Huyền T, sinh năm 1994; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Tiền án; Tiền sự: không;

N T: Ngày 27/5/2008, bị Công an thành phố Đ xử phạt 500.000 đồng về hành vi đánh nhau. Bị cáo nộp phạt vào ngày 05/6/2008.

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 1, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

5. Đặng Công H, sinh năm: 1973, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Đặng Công Đ (đã chết); Con bà Lê Thị N (đã chết); Vợ Phạm Thị Thu T, sinh năm 1980; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006;

Tiền án; Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

6. Đặng Công P, sinh năm: 1972, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Cao đài; Con ông Đặng Công Đ (đã chết); Con bà Lê Thị N (đã chết); Vợ Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1975; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Mai T, sinh năm: 1974, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 18, khu phố 2 (tổ T 2), Phường K, thành phố Đ, tỉnh L; Nơi cư trú: Tổ 18, khu phố 2 (tổ T 2), Phường K, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn C, sinh năm 1937; con bà Mai Thị C, sinh năm 1939; Vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2004;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 18, khu phố 2 (tổ T 2), Phường K, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Mai Th, sinh năm: 1974, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; Nơi cư trú: Tổ 18, khu phố 2 (tổ T 2), Phường K, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn C, sinh năm 1937; con bà Mai Thị C, sinh năm 1939; Gia đình có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1968, nhỏ nhất sinh năm 1975, bị cáo là con thứ năm trong gia đình;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 18, khu phố 2 (tổ T 2), Phường K, thành phố Đ, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

9. Trương Quang T, sinh năm: 1977, tại Lâm Đồng; Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Q; Nơi cư trú: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Trương Quang B(đã chết); con bà Lê Thị T, sinh năm 1921; Mai Thị H, sinh năm 1978; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2008;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại tại Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ , tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Tổ 6, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 7, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lương Văn Ph, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Tổ 1, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn X, xã X, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ đến 15 giờ 30 ngày 31/5/2022, Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T và Nguyễn Mai T đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị Thanh H tại địa chỉ: Tổ 6 Thôn X, X, TP Đà Lạt thì thấy có nhiều đối tượng khác đang đánh bạc. Thấy vậy, N, N, Q, T, H, P, Th, Thâm và T đến cùng tham gia đánh bạc với hình thức "xóc đĩa" cụ thể như sau: Một người trong nhóm các con bạc dùng 04 (*bốn*) con vị được cắt ra từ bao thuốc lá có một mặt trắng, một mặt xanh bỏ trong 01 (*một*) chén và 01 (*một*) đĩa rồi xóc và đặt chén xuống bàn thì các con bạc chọn bên chẵn hoặc bên lẻ để đặt tiền cá cược. Khi số tiền bên chẵn hoặc bên lẻ bằng nhau thì mở chén để tính thắng thua, trường hợp có bên chẵn hoặc bên lẻ thừa tiền thì con bạc có thể cá cược để ăn thua số tiền thừa, trường hợp không có ai mua thừa thì con bạc tự rút tiền về. Căn cứ vào kết quả của 4 con vị, nếu 2 mặt úp, 2 mặt ngửa hoặc 4 mặt úp hoặc 4 mặt ngửa thì các con bạc đặt tiền bên chẵn thắng số tiền tương đương đã đặt cược, ngược lại nếu kết quả 3 mặt úp, 1 mặt ngửa hoặc 3 mặt ngửa, 1 mặt úp thì các con bạc đặt tiền bên lẻ thắng số tiền tương đương đã đặt cược. Các đối tượng chơi đánh bạc với hình thức như trên đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an xã X, Đ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Trong quá trình bắt quả tang, có một số đối tượng chạy thoát trong đó có Nguyễn Mai T. Đến ngày 15/6/2022, Nguyễn Mai T đến trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của bản T.

Tang vật thu giữ gồm:

- 28.000.000[đ] (*hai mươi tám triệu đồng*) thu giữ trên chiếu bạc;

- 01 (*một*) đĩa sành có đường kính 15cm;

- 01 (*một*) chén sành có đường kính 5cm, bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu xanh;

- 01 (*một*) bìa catton có kích thước 40 x 40cm đã bị rách góc, bên trên được chia làm 04 (*bốn*) góc, mỗi góc có vẽ ba đến bốn hình tròn, phía sau bìa catton có chữ "TH True Water";

- 04 (*bốn*) con "vị" hình tròn một mặt màu xanh, một mặt màu trắng.

Thu giữ của: Đặng Công H số tiền 1.431.000 đồng, 01 (*một*) điện thoại di động Nokia, phím bấm, màu đen, số IMEI: 353161117379449, MODEL: TA-1203; Huỳnh Thanh T số tiền là 9.350.000 đồng, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu OPPO, model: CPH2365, số IMEI: 869929055629190; Nguyễn Mai Th số tiền là 467.000 đồng, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA-1174, số IMEI: 355043874620264; Nguyễn Bá Q số tiền 19.175.000 đồng; Phạm Văn H 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 354275389050501; Lương Văn Ph 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-969, số IMEI: 357820/06/637700/3; Đàm Công N số tiền 200.000 đồng, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 350618544045219; Trương Quang T 01 (*một*) giấy căn cước công dân số 051077015081, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021, mang tên Trương Quang T, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, số IMEI: 351662/61/334637/0; Nguyễn Quang T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 353846501556186.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị can sử dụng để tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

1. Lê Sỹ N: mang trong người số tiền 1.500.000^{đ} (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) và sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. N tham gia đặt cược 9 - 10 ván với số tiền mỗi ván từ 100.000 đồng đến 600.000 đồng, tổng số tiền N thắng được là 2.500.000^{đ} (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). N bỏ toàn bộ số tiền đánh bạc là 4.000.000^{đ} (*bốn triệu đồng*) ra chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

2. Đàm Công N: mang trong người số tiền 2.200.000^{đ} (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*) và N lấy số tiền 2.000.000^{đ} (*hai triệu đồng*) ra cầm trên tay để tham gia đặt cược. N tham gia đặt cược 04 (*bốn*) ván với số tiền mỗi ván là 500.000^{đ} (*năm trăm nghìn đồng*), các ván này N đều thua. Số tiền 200.000 đồng N cất trong túi không sử dụng để đánh bạc.

3. Huỳnh Thanh T: mang theo số tiền 9.550.000^{đ} (*chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*), T lấy ra 500.000^{đ} (*năm trăm nghìn đồng*) cầm trên tay để tham gia chơi đánh bạc, số tiền 9.050.000^{đ} (*chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) còn lại T để lại ở trong túi. T tham gia đặt cược hai ván, mỗi ván

đặt cược với số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*), cả hai ván này T đều thua. Sau đó T cất 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*) còn lại vào cùng số tiền 9.050.000[đ] (*chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) và đứng xem với mục đích sử dụng toàn bộ số tiền 9.350.000 đồng tiếp tục tham gia đặt cược để gỡ lại số tiền đã thua.

4. Nguyễn Bá Q: mang theo số tiền 21.175.000[đ] (*hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và lấy ra 2.000.000[đ] (*hai triệu đồng*) cầm ở trên tay để đánh bạc. Q tham gia đặt cược ba ván với số tiền mỗi ván từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, trong đó ván thứ nhất đặt cược 500.000 đồng thì thua, ván thứ hai đặt cược 500.000 đồng thì thua, ván thứ ba đặt cược 1.000.000 đồng thì thắng. Khi Q đang đặt cược ván thứ tư với số tiền 1.000.000 đồng thì bị bắt quả tang, Q bỏ số tiền 1.000.000 đồng đang cầm trên tay xuống chiếu bạc. Số tiền 19.175.000[đ] (*mười chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) thu giữ trên người, Q không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

5. Đặng Công H: mang trong người số tiền 631.000[đ] (*sáu trăm ba mươi một nghìn đồng*) và lấy ra số tiền 601.000[đ] (*sáu trăm lẻ một nghìn đồng*) ra tham gia đặt cược. H tham gia đặt cược khoảng 6 – 7 ván với số tiền mỗi ván từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng và thắng được tổng số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng). Khi bị bắt quả tang, H bị thu giữ số tiền 1.431.000[đ] (*một triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn đồng*), trong đó có 601.000[đ] (*sáu trăm lẻ một ngàn đồng*) tiền H sử dụng vào mục đích để đánh bạc và 800.000[đ] (*tám trăm nghìn đồng*) H thắng được, số tiền 30.000[đ] (*ba mươi nghìn đồng*) còn lại H không sử dụng đánh bạc.

6. Đặng Công P: mang trong người số tiền 200.000[đ] (*hai trăm nghìn đồng*) và lấy toàn bộ số tiền này ra tham gia đánh bạc. P đặt cược 01 (*một*) ván với số tiền 200.000[đ] (*hai trăm nghìn đồng*) và thua.

7. Nguyễn Mai Th: mang theo số tiền 667.000[đ] (*sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) và lấy toàn bộ số tiền này tham gia đánh bạc. Th tham gia đặt cược khoảng 7 – 8 ván với số tiền mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và thua tổng cộng số tiền 100.000[đ] (*một trăm nghìn đồng*). Khi Th đang tham gia đặt cược với số tiền 100.000[đ] (*một trăm nghìn đồng*) thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người Nguyễn Mai Th số tiền 467.000[đ] (*bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

8. Nguyễn Mai T: xóc đĩa cho mọi người cùng chơi và lấy ra số tiền 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*) để tham gia đánh bạc. T tham gia đặt cược khoảng 3 - 4 ván với số tiền mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và thua hết số tiền 300.000[đ] (*ba trăm nghìn đồng*). Khi bị bắt quả tang, T chạy thoát và sau đó đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đầu thú.

9. Trương Quang T: mang theo số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) và sử dụng toàn bộ số tiền này để tham gia đánh bạc. Thâm tham gia đặt cược 02 (*hai*) ván với số tiền mỗi ván 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) và bị thua hết.

Như vậy số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là tổng số tiền thu ở chiếu bạc 28.000.000 đồng, số tiền thu trên người Huỳnh Thanh T là 9.350.000 đồng, số tiền thu trên người Đặng Công H là 1.401.000 đồng, số tiền thu giữ trên người Nguyễn Mai Th là 467.000 đồng, tổng cộng là 39.217.000đ (*ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy đồng*).

Tại bản cáo trạng số 239/CT-VKSĐL-LĐ ngày 31/10/2022 của Viện kiểm sát N dân thành phố Đ truy tố các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T về tội "*Đánh bạc*" theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo không khiếu nại bản cáo trạng và khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Đề nghị tuyên bố các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T cùng phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lê Sỹ N mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Đàm Công N mức hình phạt từ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai T mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Mai Th mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T mức hình phạt từ từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá Q mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Công H mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Công P mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Trương Quang T mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

Phạt bổ sung các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thanh T số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Tất cả sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu sung công: Số tiền 39.217.000đ (*ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng*) là tiền các bị cáo đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đĩa sành có đường kính 15cm; 01 (*một*) chén sành có đường kính 5cm, bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu xanh; 01 (*một*) bìa catton có kích thước 40 x 40cm đã bị rách góc, bên trên được chia làm 04 (bốn) góc, mỗi góc có vẽ ba đến bốn hình tròn, phía sau bìa catton có chữ "TH True Water"; 04 (*bốn*) con "vị" hình tròn một mặt màu xanh, một mặt màu trắng.

- Trả lại cho Đàm Công N số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 350618544045219; Nguyễn Bá Q số tiền là 19.175.000 đồng; Đặng Công H 01 (một) điện thoại di động Nokia, phím bấm, màu đen, số IMEI: 353161117379449, MODEL: TA-1203, 30.000 đồng; Huỳnh Thanh T 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu OPPO, model: CPH2365, số IMEI: 869929055629190; Nguyễn Mai Th 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA-1174, số IMEI: 355043874620264; Trương Quang T 01 (*một*) giấy căn cước công dân số 051077015081, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021, mang tên Trương Quang T, 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, số IMEI: 351662/61/334637/, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Phạm Văn H 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 354275389050501; Lương Văn Ph 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-969, số IMEI:

357820/06/637700/3; Nguyễn Quang T 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 353846501556186.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa:

+ Các bị cáo: bị cáo rất ân hận và đã thấy được hành vi sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân thành phố Đ, tỉnh L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Quyền, trình tự, thủ tục Q định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết định khung hình phạt: Vì mục đích sát phạt, chiếm đoạt tài sản của nhau, vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/5/2022, tại nhà bà Nguyễn Thị Thanh H ở địa chỉ: Tổ 6 Thôn X, xã X, TP Đ, các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T đã tham gia đánh bạc trái phép, thắng thua bằng tiền bằng hình thức chơi xóc đĩa, đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an xã X, Đ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Trong quá trình bắt quả tang, có một số đối tượng chạy thoát trong đó có Nguyễn Mai T. Đến ngày 15/6/2022, Nguyễn Mai T đến trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 39.217.000^{đ} (*ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng*).

Xét lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người liên quan, người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T cùng phạm tội "*Đánh bạc*", tội phạm và hình phạt được Q định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát N dân thành phố Đ truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa phương, đồng thời đánh bạc là một trong những nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Vì vậy cần xử lý các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị từ trước.

Các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Khi Quyết định hình phạt có xem xét: Các bị cáo phạm tội lần đầu và và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sử dụng số tiền không lớn để đánh bạc, sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng cho tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Mai T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Huỳnh Thanh T có mẹ ruột được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo T, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú ổn định, không có tiền án, tiền sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Đồng thời cần phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) đĩa sành có đường kính 15cm; 01 (một) chén sành có đường kính 5cm, bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu xanh; 01 (một) bìa catton có kích thước 40 x 40cm đã bị rách góc, bên trên được chia làm 04 (bốn) góc, mỗi góc có vẽ ba đến bốn hình tròn, phía sau bìa catton có chữ "TH True Water"; 04 (bốn) con "vị" hình tròn một mặt màu xanh, một mặt màu trắng là các vật dụng các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc và không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với số tiền 39.217.000^{đ} (*ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng*) các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với những tài sản là tiền, điện thoại di động, giấy tờ tùy T và các vật dụng cá N mà các bị cáo đang bị thu giữ không liên quan đến hành vi đánh bạc, tuyên trả cho các bị cáo.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th, Trương Quang T phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Sỹ N 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Lê Sỹ N số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

+ Bị cáo Đàm Công N 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Đàm Công N số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

+ Bị cáo Nguyễn Bá Q 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Bá Q số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*).

+ Bị cáo Đặng Công P 06 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Công P số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Bị cáo Đặng Công H 06 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Đặng Công H số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Bị cáo Nguyễn Mai Th 06 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mai Th số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

+ Bị cáo Trương Quang T 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Trương Quang T số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*)..

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

+ Bị cáo Huỳnh Thanh T 09 (*chín*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thanh T số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*).

Bị cáo Nguyễn Mai T 06 (*sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/01/2023).

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mai T số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Giao các bị cáo Lê Sỹ N, Đàm Công N, Nguyễn Bá Q, Huỳnh Thanh T, Đặng Công H, Đặng Công P, Trương Quang T cho Ủy ban N dân xã X, thành phố Đ, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Mai T, Nguyễn Mai Th cho Ủy ban N dân Phường K, thành phố Đ, tỉnh L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Q định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Xử lý vật chứng:

Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) đĩa sành có đường kính 15cm; 01 (*một*) chén sành có đường kính 5cm, bên ngoài có hoa văn hình bông hoa màu xanh; 01 (*một*) bìa catton có kích thước 40 x 40cm, phía sau bìa catton có chữ "TH True Water"; 04 (*bốn*) con "vị" hình tròn một mặt màu xanh, một mặt màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ nhà số tiền 39.217.000đ (*ba mươi chín triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng*);

- Trả lại cho:

+ Bị cáo Đàm Công N: số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*); 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 350618544045219;

+ Bị cáo Nguyễn Bá Q: số tiền 19.175.000đ (*Mười chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*);

+ Bị cáo Đặng Công H: số tiền 30.000đ (*ba mươi nghìn đồng*) và 01 (*một*) điện thoại di động Nokia, phím bấm, màu đen, số IMEI: 353161117379449, MODEL: TA-1203;

+ Bị cáo Huỳnh Thanh T: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Vivo, màu đen; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu OPPO, model: CPH2365, số IMEI: 869929055629190;

+ Bị cáo Nguyễn Mai Th: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA-1174, số IMEI: 355043874620264;

+ Bị cáo Trương Quang T: 01 (*một*) giấy căn cước công dân số 051077015081, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 01/9/2021, mang tên Trương Quang T; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, số IMEI: 351662/61/334637/0.

+ Anh Phạm Văn H: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 354275389050501;

+ Anh Lương Văn Ph: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: RM-969, số IMEI: 357820/06/637700/3;

+ Anh Nguyễn Quang T: 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, Model: TA – 1203, số IMEI: 353846501556186.

Tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ*).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quyết định về việc áp dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000[đ] (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L (02);
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- VKSND Tp. Đ;
- Công an Tp. Đ;
- Chi cục THADS Tp. Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Bình